

TÍNH CHÍNH ĐÁNG CỦA NHÀ NƯỚC

- Nhìn từ cuộc khủng hoảng chính trị ở một số nước Trung Đông và Bắc Phi

ThS. Nguyễn Văn Quang^(*)

Từ cuối năm 2010 và nửa đầu năm 2011, thế giới chứng kiến một loạt chính phủ ở các nước Bắc Phi và Trung Đông sụp đổ hoặc đang phải đối mặt với nguy cơ sụp đổ. Bắt đầu từ Tunisia vào giữa tháng 12/2010, đã xảy ra những cuộc biểu tình mạnh mẽ của dân chúng, kết quả là Tổng thống Ben Ali phải rời khỏi đất nước sau hơn hai thập niên cầm quyền. Ngay sau đó chỉ hai tuần, chính quyền của Tổng thống Mubarak ở Ai Cập cũng buộc phải từ chức sau 30 năm nắm quyền. Gần đây nhất là Tổng thống Gaddafi của Libya cũng chung số phận sau một thời gian cầm quyền rất dài (từ năm 1969). Làn sóng biểu tình còn diễn ra ở nhiều nước khác, như: Algeria, Maroc, Yemen, Bahrain, Oman, Saudi Arabia, Kuwait, Jordan... Từ cuộc khủng hoảng chính trị trên phạm vi rộng đang diễn ra như vậy, một lần nữa, câu trả lời cho tính chính đáng của quyền lực nói chung, tính chính

đáng của nhà nước nói riêng lại được đặt ra.

Dưới cách tiếp cận của chính trị học mác xít, con người muốn tồn tại và phát triển cần gắn kết với nhau tạo thành cộng đồng và đặc biệt là cần đến một quyền lực để duy trì mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng. Thị tộc là thiết chế, kiểu tổ chức quyền lực đầu tiên trong lịch sử. Trong đó, quyền lực thực sự thuộc về mọi người và vì mọi người. Tuy nhiên, sự phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động dẫn tới sự ra đời của nhà nước như một đòi hỏi khách quan. Sự xuất hiện nhà nước vừa là bước tiến tất yếu của văn minh nhân loại, vừa là một dấu hiệu cho thấy, xã hội bắt đầu có sự tồn tại tình trạng bất công, người bóc lột người, bất bình đẳng, đồng thời là dấu hiệu mở đầu của sự “tha hóa” về quyền lực xã hội nói chung, quyền và nghĩa vụ của cộng đồng người cấu thành xã hội – nhà nước nói riêng. Chính điều đó đòi hỏi bức thiết phải trả lại cho con người sự bình đẳng, công bằng; phục hồi lại ý nghĩa nguyên thủy của quyền lực công. Vì vậy, những người bị bóc lột, áp bức phải gắn kết lại với nhau,

^(*) Học viện Chính trị – Hành chính khu vực III, Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

cùng hành động để đòi lại quyền vốn có của mình. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp, nhằm tạo ra một chế độ chính trị hợp lý, hiệu quả - một chế độ chính trị dân chủ, một xã hội công bằng, quyền lực thực sự được trả lại cho mọi người trong xã hội. Tuy nhiên, trải qua hàng nghìn năm, những cuộc đấu tranh đó vẫn chưa mang lại kết quả thực sự. Trong xã hội có giai cấp, quyền lực nhà nước vẫn đang phát huy tác dụng đối với giai cấp cầm quyền, còn về phía nhân dân (những người chủ của quyền lực) vẫn đang không ngừng đấu tranh để đòi lại quyền lực của mình. Khi xã hội còn giai cấp, nhà nước vẫn tồn tại và chỉ chuyển hóa từ hình thức này sang hình thức khác. Sự tồn tại của nhà nước vẫn là cần thiết, con người vẫn cần nó và chấp nhận ở mức độ nào đó sự cai trị của quyền lực nhà nước.

“Về căn bản, việc sử dụng quyền lực của chủ thể quyền lực nói chung, nhà nước nói riêng, luôn gây ra khuynh hướng chống đối và do vậy, vấn đề nghiên cứu chính ở đây là, tại sao người dân công nhận và thực hành tự nguyện các quy định, các mệnh lệnh của các cơ quan nhà nước, ngay cả khi người đó khó chịu (không muốn)?, giống như Ph.Ăngghen từng khẳng định: quyền lực làm người ta khó chịu. Nói cách khác, mọi sự khủng hoảng chính trị có thể coi là sự mất tin tưởng vào khả năng cầm quyền, sự không chấp nhận tính đại diện của nhà nước, hoặc tổng quát hơn là khủng hoảng về tính chính đáng chính trị. Vì vậy, chủ thể của quyền lực luôn phải tìm cách để làm thế nào những người bị trị của mình phải chấp nhận mình, nếu không chủ thể đó sẽ mất quyền

cai trị của nó... Có thể nói, cơ chế của tính chính đáng chính trị chính là nhằm thiết lập sự chấp nhận quyền cai trị. Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng: Tính chính đáng của nhà nước là những yếu tố mà chủ thể cai trị thiết lập được để thuyết phục những người bị trị tuân thủ và ủng hộ các mệnh lệnh mà nhà nước đưa ra một cách tự nguyện nhằm đạt được hiệu lực và hiệu quả của quyền lực”⁽¹⁾.

Như vậy, hạt nhân trong khái niệm này là, điều gì làm cho người dân chấp nhận sự cai trị của chủ thể quyền lực nhà nước. Tức là, chủ thể cầm quyền tạo ra những yếu tố nào để người dân chấp nhận chính quyền của họ.

Với cách tiếp cận như vậy, ở đây chúng tôi muốn lý giải những nguyên nhân dẫn đến việc đánh mất tính chính đáng của chủ thể cầm quyền ở một số nước Trung Đông và Bắc Phi trong thời gian qua và rút ra những kết luận mang tính tham khảo trong việc xây dựng tính chính đáng của nhà nước.

1. Những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự khủng hoảng chính trị ở Trung Đông và Bắc Phi

Thứ nhất, các chủ thể cầm quyền trong một thời gian quá dài và tạo ra sự độc đoán, chuyên quyền, tham nhũng, không có dân chủ, xa rời dân chúng

Ở các nước này, “phải thừa nhận rằng, trong ba thập niên vừa qua, nhất là 20 năm kể từ sự kiện Liên Xô tan rã, hệ thống các nước XHCN ở Đông Âu sụp đổ những năm 1990 của thế kỷ trước, trong khi tại châu Âu và các châu lục khác, cục diện chính trị có sự điều chỉnh lớn thì tại Bắc Phi và Trung Đông, hầu như không có sự biến động về ý thức hệ chính trị - tư tưởng”⁽²⁾. Chẳng hạn, Tổng thống Tunisia nắm quyền liên tục 23 năm, qua 4 cuộc bầu cử mà lần nào cũng thắng cử tuyệt đối(!), Tổng thống Ai Cập nắm quyền 30 năm (4 lần tái đắc cử với tỷ lệ phiếu tối thiểu trên 80%), ở Yemen là sự cầm quyền của Tổng thống Saleh trong suốt

⁽¹⁾ Nguyễn Văn Quang, *Khái niệm tính chính đáng chính trị và tư tưởng của C.Mác – Ph.Ăngghen về tính chính đáng của nhà nước*, Tạp chí Triết học, số 1(236), năm 2011, tr.59-60

⁽²⁾ <http://www.cuuchienbinh.com.vn/index.aspx?Menu=1324&Chitiet=7680&Style=1>

32 năm qua, Algeria là 3 nhiệm kỳ liền.

Bên cạnh đó, “hầu hết các nước trong khu vực duy trì nền chính trị lạc hậu, độc đoán và mất lòng dân. Một số nước tuy danh nghĩa là chế độ cộng hòa, nhưng chính quyền thực chất là các chế độ chuyên chế, gia đình trị, không khác mấy so với chế độ quân chủ”⁽¹⁾. Chẳng hạn, ở Tunisia, đất nước có hơn 10 triệu dân, chỉ trong thời gian ngắn đã vươn lên thành một nước phát triển bậc nhất châu Phi với hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, hoàn hảo, tốc độ tăng trưởng cao, đời sống nhân dân được cải thiện, gần ngang bằng với các nước phát triển trung bình ở Nam Âu. Nhưng do quá say sưa và tự mãn với thành quả đã đạt được, nhà cầm quyền Tunisia đã ngày càng xa rời nhân dân, tham nhũng lộ hành, gia đình trị. Từ năm 1987, dựa trên mô hình nhà nước cảnh sát, Tổng thống Ben Ali đã liên tục cai trị Tunisia bằng “bàn tay sắt”. Còn ở Ai Cập, Tổng thống Mubarak đã bày tỏ ý muốn trao quyền kế vị cho con trai là Gaman Mubarak vào tháng 10/2011, mặc cho Gaman Mubarak không hề giành được sự ủng hộ của đông đảo dân chúng. Đồng hành với hai nước trên, ở Libya, dưới thời Tổng thống Gaddafi, các con ông được giao nắm giữ những ngành trọng yếu, quản lý Quỹ Đầu tư Lybia hàng trăm tỷ USD, lãnh đạo cả Ủy ban Olympics Quốc gia, chỉ huy cả công an mật vụ, lũ đoàn phòng vệ thủ đô mà không qua một thủ tục tối thiểu. Song song với những vị trí quyền lực đó là khối tài sản kếch xù của gia đình nhà Gaddafi. Kể từ khi Liên hiệp quốc ban hành lệnh cấm vận đối với Libya, các ngân hàng phương Tây đã phong tỏa hàng chục tỉ USD của gia đình Gaddafi, trong đó Mỹ phong tỏa 37 tỉ USD, Anh: 19,6 tỉ USD, Đức: 10,5 tỉ USD.

⁽¹⁾ Phạm Quốc Trụ, *Biến động chính trị ở Bắc Phi, Trung Đông và tác động đối với thế giới*, Tạp chí Cộng sản, số 822, tháng 4/2011, tr.93

Ngoài ra, những người mang họ Gaddafi còn mua cổ phiếu ở các công ty đa quốc gia trên khắp thế giới.

Hơn thế nữa, trong quá trình cầm quyền, do muốn duy trì quyền lực của mình, các nhà lãnh đạo đã không ngừng sử dụng quân đội, cảnh sát và coi đó là một công cụ hàng đầu để trấn áp những người phản đối mà quên thực hiện một chức năng rất quan trọng và cơ bản của nhà nước trong xã hội dân chủ, đó là chức năng xã hội. Chẳng hạn, ở Ai Cập, trong suốt ba thập niên cầm quyền của mình, ông Mubarak đã điều hành đất nước theo đường lối cứng rắn, sẵn sàng áp đặt và luôn duy trì tình trạng khẩn cấp, sử dụng cảnh sát để đàn áp những cuộc nổi dậy của người dân nghèo khổ. Ai cũng hiểu rằng, độc tài chỉ tồn tại khi người ta sợ nó, đó là nỗi sợ mà chính nó đã gieo vào lòng các thần dân của mình. Khi niềm tin không còn thì quyền lực sẽ sụp đổ giống như một tòa lâu đài xây bằng cát hay là biến thành một con hổ giấy, như nhà triết học Bernard-Henri Lévy đã viết trên tờ Le Point.

Thứ hai, nạn nghèo đói, bất công xã hội, tình trạng thất nghiệp và vấn nạn tham nhũng kéo dài không được chính quyền giải quyết một cách thỏa đáng

Mặc dù GDP bình quân đầu người ở các nước này khá cao (ở Ai Cập là 2.700 USD; ở Tunisia là 3.100 USD) nhưng của cải chủ yếu tập trung trong tay số ít nhà cầm quyền và giới tư bản thân hữu với những người có quyền lực. Tỷ lệ người dân sống dưới mức nghèo khổ ở những nước này rất cao: Ai Cập là 40%, Tunisia là 30%, còn ở Yemen có tới 40% dân số sống dưới mức nghèo khổ, không quá 2USD/ngày. Trong khi đó, tình trạng kinh tế ở các nước này ngày một yếu kém, giá cả gia tăng và tỷ lệ thất nghiệp cao. Trong số khoảng 80 triệu dân của Ai Cập, 2/3 ở độ tuổi dưới 30 và chiếm 90% số người thất nghiệp và 1/3 dân số mù chữ.

Đặc biệt, dưới sự cai trị của những nhà

cầm quyền này, nhà nước đã để cho tình trạng đối lập trong xã hội xảy ra rất phổ biến. “Cảnh khổ cực ở các vùng sâu, vùng xa tồn tại ngay bên cạnh một không gian vàng và cực kỳ an toàn dành cho khách du lịch nước ngoài và tầng lớp lãnh đạo trong nước, một nền công nghiệp mà người ta đưa ra như để chứng minh cho sự thành công (ở Maroc, Tunisia, Ai Cập), và như một ví dụ để các nước khác noi theo. Sự xuất hiện một tầng lớp xã hội ngạo mạn, nông nghênh và thiếu văn hóa của giới mới giàu, vốn chỉ chứng minh được nguồn gốc tài sản của mình bằng việc đi lại không minh bạch với giới có quyền lực nhưng lại tồn tại bên cạnh một số đông người nghèo khổ và bị bỏ rơi chỉ nhận được những lời hứa suông, sẽ gây ra những rạn nứt đầu tiên trong xã hội và cảm giác vứt bỏ đối với chế độ dưới mọi hình thức có thể được ở mỗi nước”⁽¹⁾. Bên cạnh đó, cuộc khủng kinh tế thế giới kể từ năm 2008 cho đến nay đã đẩy cuộc sống của những người dân nghèo khổ, dường như đang bị chính quyền bỏ quên, vốn đã cơ cực nay lại càng trở nên cơ cực hơn. Chính điều này đã làm gia tăng sự phẫn nộ của dân chúng đối với chính quyền và việc họ đã đứng dậy biểu tình, lật đổ chính quyền là một tất yếu.

Bên cạnh hai nguyên nhân chính, mang tính nội tại trên còn có nhiều nguyên nhân khác (cả khách quan và chủ quan). Chẳng hạn, với cái gọi là thúc đẩy “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm áp đặt “những giá trị tiến bộ của mình” cho các nước khác để thực hiện mục tiêu chiến lược lâu dài của mình ở Bắc Phi và Trung Đông, các nước phương Tây đã phần nào kích động được những phe đối lập và số đông dân chúng trong xã hội đứng lên đòi lật đổ chính quyền đang tồn tại. Hay

một nguyên nhân khác, cùng với sự phát triển kinh tế ở các nước này, là sự xuất hiện của một tầng lớp có tư tưởng tiến bộ, đề cao các giá trị dân chủ, nhân quyền. Tuy nhiên, bộ phận mang tư tưởng tiến bộ này phải đối mặt với một nền chính trị chuyên quyền, độc đoán, áp đặt ý chí, đàn áp những người có tư tưởng tiến bộ... Vì thế, họ đã đứng lên kêu gọi, dẫn dắt dân chúng biểu tình, đòi thay đổi chính phủ, nhằm tạo ra một chế độ chính trị dân chủ, tiến bộ hơn.

2. Những vấn đề đặt ra

Qua cuộc khủng hoảng chính trị mà hậu quả là một số chính phủ ở các nước Bắc Phi và Trung Đông sụp đổ sau một thời gian dài cầm quyền, việc khẳng định tính chính đáng của quyền lực nói chung, của nhà nước nói riêng là cần thiết. Chỉ khi nào chủ thể cầm quyền tạo ra được tính chính đáng trong cầm quyền, khi đó vị trí cầm quyền của chủ thể mới có thể được đảm bảo và duy trì.

Qua phân tích những nguyên nhân chủ yếu của cuộc khủng hoảng chính trị ở các nước Bắc Phi và Trung Đông, chúng tôi cho rằng, để xây dựng được tính chính đáng của nhà nước, chủ thể nắm quyền phải tạo ra được **ba yếu tố mang tính cơ bản** sau đây:

Thứ nhất, giá trị lý tưởng chính trị. Lý tưởng chính trị hết sức đa dạng, được thể hiện qua nhiều cách thức khác nhau: Hệ tư tưởng (như các Đảng Cộng sản), các cương lĩnh, chính sách và hành động... Về căn bản, hệ giá trị sẽ phải là vì dân (công ích), bình đẳng, công bằng, dân chủ, tự do... Trong tính chính đáng, giá trị lý tưởng chính trị phải mang tính công ích, đây được coi là nền tảng quan trọng nhất. Nếu như lý tưởng chính trị của chủ thể cai trị theo đuổi vì mục đích chung là lợi ích cho tất cả mọi người trong xã hội thì khi đó sự ép buộc cũng chính là vì lợi ích của người bị ép buộc. Như C. Mác đã khẳng định, tự do của mỗi cá nhân cũng chính là tự do của người khác, lợi ích của cá nhân gắn liền với lợi ích của tập thể...

⁽¹⁾ Thông tấn xã Việt Nam, *Không gian Ả rập - Hồi giáo: chiến lược nào cho Mỹ và phương Tây?*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 142, ngày 27/05/2011, tr.10

Thứ hai, tính hợp pháp của quyền lực. Trong xã hội dân chủ hiện đại, thước đo của tính hợp pháp trong quá trình giành và thực thi quyền lực của các chủ thể là những quy tắc đã được quy định trong hiến pháp. Tiêu chí của nó được thể hiện trên hai phương diện: *một là*, sự liên quan mật thiết giữa hình thức hình thành chủ thể quyền lực chính trị với chế độ bầu cử và chế độ bãi miễn; *hai là*, sự vận hành quyền lực chịu sự ràng buộc và giám sát nghiêm ngặt của hiến pháp và pháp luật. Tức là, quyền lực của chủ thể phải có được từ các cuộc bầu cử dân chủ, hợp pháp, bình đẳng, phổ thông và công khai chứ không phải là cha truyền con nối hoặc là gian lận trong bầu cử (như ở một số nước Bắc Phi và Trung Đông).

Thứ ba, tính hiệu quả của quá trình cầm quyền. Một chủ thể cầm quyền muốn có được tính chính đáng không chỉ cần có giá trị tư tưởng và tính hợp pháp trong cầm quyền mà phải được người dân ủng hộ và tạo ra được hiệu quả cao, tức là thành tích

trong quá trình cầm quyền của mình. Thực tế cho thấy, muốn duy trì được quyền lực thì chủ thể cầm quyền không chỉ chú ý đến những con số tăng trưởng thông thường mà còn phải chú ý đến cả yếu tố phân phối một cách hợp lý những thành quả đạt được đó, tức là mọi người dân trong xã hội đều phải được hưởng những thành quả kinh tế chung của đất nước. Trong thể chế chính trị hiện đại, tuy các chủ thể chính trị có đặc trưng mang tính giai cấp rõ ràng, song cơ sở của tính chính đáng là theo đuổi lợi ích chung của quần chúng nhân dân. Chính vì thế, đa số người trong xã hội cho rằng, chính sách của chủ thể cầm quyền là đại diện cho lợi ích của họ, như vậy sẽ xây dựng được cơ sở cho tính chính đáng một cách bền vững.

Tóm lại, khi nào chủ thể cầm quyền của một nhà nước tạo ra ba yếu tố được cho là cơ bản trên, khi đó quyền lực của chủ thể mới được đảm bảo, được duy trì bằng sự tin tưởng và ủng hộ của người dân, tức là cầm quyền một cách chính đáng. □

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM VỀ MỐI QUAN HỆ...

(tiếp trang 71)

ta tự bồi nhọ. Không ai có thể đánh đổ được chúng ta ngoại trừ chúng ta tự đánh đổ bằng chính tệ quan liêu, tham ô, tham nhũng, xa dân, vô cảm trước đời sống nhân dân, dẫn tới mất lòng tin của nhân dân. Quan điểm này thật sự chứa đựng hàm lượng khoa học và cách mạng trong tư duy Hồ Chí Minh về mối quan hệ hữu cơ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Làm rõ các nội dung nêu trên trong giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là khẳng định quan điểm của Đảng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh. Bởi vì, chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới không chỉ là vấn đề của quốc phòng - an ninh, tăng cường quốc phòng - an ninh mà là: phát huy mạnh

mẽ sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Với tư duy mới mẻ đó, một lần nữa cần nhấn mạnh và khẳng định rằng, trong bảo vệ có xây dựng, trong xây dựng có bảo vệ; xây dựng chính là bảo vệ và bảo vệ nhằm tạo điều kiện cho xây dựng. Trong quá trình xây dựng cần loại bỏ các cản lực, mà trở lực lớn nhất trên con đường phát triển của đất nước chính là sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cảnh báo. □